

**DANH SÁCH SINH VIÊN K7 ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP
HỆ CAO ĐẲNG CHÍNH QUY ĐÀO TẠO THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ
ĐỢT THÁNG 10 NĂM 2014**

(Kèm theo Quyết định số: 790 /QĐ-CDKTKT-ĐT, ngày 29 tháng 10 năm 2014)

. Lớp: K7CD-MáyA - Ngành Công nghệ kỹ thuật cơ khí

TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Số TCTL	Điểm TBCTLTK		Xếp loại TN	Ghi chú
						Điểm hệ 10	Điểm hệ 4		
1	DTU111C650021	Vũ Thế	Dũng	02/11/1991	105	6.16	2.04	Trung bình	Trả nợ học phần
2	DTU111C650004	Lê Phi	Long	01/02/1992	105	6.5	2.08	Trung bình	Trả nợ học phần
3	DTU111C650048	Trần Văn	Phi	13/04/1993	105	6.09	2.01	Trung bình	Trả nợ học phần
4	DTU101C650024	Vương Việt	Tân	13/03/1992	105	6.18	2.09	Trung bình	Trả nợ học phần
5	DTU111C650011	Nguyễn Mạnh	Việt	21/07/1993	105	6.22	2.04	Trung bình	Trả nợ học phần

. Lớp: K7CD-MáyB - Ngành Công nghệ kỹ thuật cơ khí

TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Số TCTL	Điểm TBCTLTK		Xếp loại TN	Ghi chú
						Điểm hệ 10	Điểm hệ 4		
6	DTU111C650076	Nguyễn Xuân	Cường	18/06/1993	105	6.27	2.07	Trung bình	Trả nợ học phần
7	DTU111C650035	Phạm Văn	Dân	20/08/1993	105	6.52	2.27	Trung bình khá	Trả nợ học phần
8	DTU111C650055	Trần Văn	Duy	26/01/1993	105	6.18	2.04	Trung bình	Trả nợ học phần
9	DTU111C650103	Phạm Văn	Định	06/10/1993	105	6.19	2.05	Trung bình	Trả nợ học phần
10	DTU111C650017	Nguyễn Thành	Long	02/10/1993	105	6.97	2.51	Khá	Trả nợ học phần
11	DTU111C650049	Nguyễn Duy	Ngữ	23/05/1993	105	6.37	2.05	Trung bình	Trả nợ học phần
12	DTU111C650109	Lê Văn	Thành	02/02/1993	105	6.25	2.05	Trung bình	Trả nợ học phần

. Lớp: K7CD-Điện A - Ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Số TCTL	Điểm TBCTLTK		Xếp loại TN	Ghi chú
						Điểm hệ 10	Điểm hệ 4		
13	DTU101C660059	Nguyễn Thế	Hiển	29/12/1991	105	6.28	2.04	Trung bình	Trả nợ học phần
14	DTU111C660046	Nguyễn Tiến	Lâm	01/10/1992	105	6.34	2.11	Trung bình	Trả nợ học phần

. Lớp: K7CD-Điện B - Ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Số TCTL	Điểm TBCTLTK		Xếp loại TN	Ghi chú
						Điểm hệ 10	Điểm hệ 4		
15	DTU111C660004	Nguyễn Lương	Bằng	16/11/1993	105	6.32	2.02	Trung bình	Trả nợ học phần
16	DTU111C660059	Nguyễn Hữu	Thảo	26/05/1990	105	6.47	2.24	Trung bình khá	Trả nợ học phần
17	DTU111C660014	Hoàng Văn	Trọng	02/06/1993	105	6.38	2.16	Trung bình	Trả nợ học phần
18	DTU111C660106	Tạ Văn	Tuyên	04/09/1992	105	6.31	2.05	Trung bình	Trả nợ học phần

. Lớp: K7CD-Tin - Ngành Công nghệ thông tin

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Số TCTL	Điểm TBCTLTK		Xếp loại TN	Ghi chú
						Điểm hệ 10	Điểm hệ 4		
19	DTU111C670009	Nông Đình	Chỉnh	27/04/1993	105	6.24	2	Trung bình	Trả nợ học phần
20	DTU111C670067	Ngô Quang	Đạt	13/08/1993	105	6.15	2	Trung bình	Trả nợ học phần